

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

---

Tiểu luận kết thúc môn học:

**Giáo dục Đại học Việt Nam và thế giới**

Chủ đề:

**Những đặc trưng và xu hướng phát triển của  
Giáo dục Đại học hiện đại**

GVHD: TS. Hồ Kỳ Quang Minh

Học viên: Phạm Quốc Trung

Lớp: NVSP-K37-ĐHBK

---

Tp.HCM – Tháng 5/ 2017

## **Chủ đề 2:**

- 1. Những đặc trưng và xu hướng phát triển cơ bản của nền GD ĐH hiện đại?*
- 2. Quan điểm cá nhân về vấn đề tự do học thuật ở Việt Nam.*

### **1. Giới thiệu**

Hiện nay, cùng với đà phát triển của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin, giáo dục đại học hiện đại cũng có nhiều thay đổi so với giáo dục đại học truyền thống. Nắm bắt được các xu hướng phát triển và vận động của giáo dục đại học sẽ giúp các trường Đại học ở Việt Nam đảm bảo sự thành công của công tác đổi mới, theo kịp sự phát triển của thế giới, góp phần đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời đại kinh tế tri thức và toàn cầu hóa. Bài tiểu luận này sẽ tìm hiểu các đặc trưng và xu hướng phát triển cơ bản của giáo dục đại học hiện đại. Đồng thời, bài viết cũng muốn đưa ra nhận định cá nhân về 1 khía cạnh của giáo dục hiện đại là tự do học thuật, xem xét nó trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam. Bài viết này chủ yếu dựa trên những kiến thức đã học ở lớp NVSP-K37 tổ chức tại trường ĐHBK, và những kinh nghiệm thực tế giảng dạy và làm công tác quản lý của bản thân học viên. Hy vọng những điều trình bày và thảo luận này sẽ là cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn về chủ đề này, góp phần vào sự thành công của quá trình đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam theo xu hướng hiện đại.

### **2. Những đặc trưng và xu hướng phát triển của GGDH hiện đại**

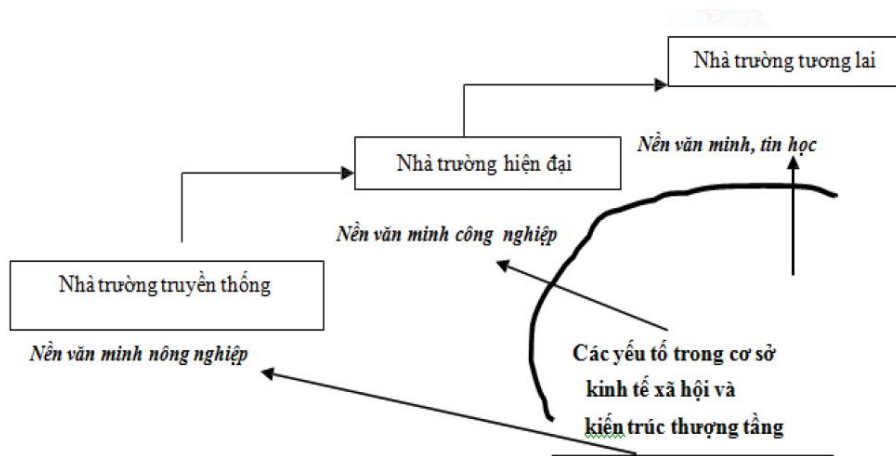
Theo Unesco (1998), sứ mệnh của giáo dục đại học là góp phần vào yêu cầu phát triển bền vững và phát triển xã hội nói chung. Vì vậy, khi xã hội ngày càng phát triển, giáo dục đại học cũng phải có những thay đổi cho phù hợp để đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Ngày nay, quan niệm hiện đại xem giáo dục là cơ sở hạ tầng xã hội với các chức năng nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, trong đó:

- Giáo dục phát triển dựa trên 4 trụ cột chính: học để biết, học để làm, học để làm người và học để chung sống (Unesco)
- Mô hình phát triển của nhà trường đại học hiện đại phải định hướng: bảo đảm hình thành và phát triển nhân cách con người có trình độ học vấn cao trong xã hội hiện đại (cao, chưa từng có trong lịch sử)

Theo Savage, chúng ta đang sống trong làn sóng thứ ba của sự phát triển kinh tế xã hội, đó là thời đại tri thức. Làn sóng phát triển thứ nhất là thời đại nông nghiệp, ở đó sự thịnh vượng dựa trên sở hữu đất đai. Làn sóng phát triển thứ hai là thời đại công nghiệp, ở đó sự thịnh vượng dựa trên sở hữu tư bản, máy móc.... Ở thời đại tri thức, sự thịnh vượng dựa trên sở hữu tri thức và khả năng sử dụng tri thức để tạo ra và cải tiến hàng hóa, dịch vụ. Ở làn sóng phát triển thứ ba này, giáo dục đại học sẽ đóng vai trò trung tâm vì đó là nơi sở hữu, tạo ra và sử dụng nhiều tri thức nhất. Chính vì vậy, giáo dục đại học hiện đại cần phải thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật & công nghệ, và phù hợp với sự chuyển mình của xã hội hiện đại.

Trong lịch sử phát triển của giáo dục, trường đại học cũng trải qua các bậc thang phát triển khác nhau. Các bậc thang này được tóm tắt trong hình sau:



Hình 1. Các bậc thang phát triển của mô hình trường Đại học

Các bậc thang của nhà trường đưa đến sự thay đổi căn bản đặc trưng và tính chất, chuẩn mực của nhà trường từ loại hình, mục tiêu, nội dung, phương pháp - phương tiện; tổ chức quản lý và đánh giá - kiểm tra, v.v...

Trong giai đoạn hiện nay và tương lai, các quan điểm giáo dục liên tục, giáo dục suốt đời, giáo dục cộng đồng, giáo dục kỹ năng sống, phát triển cá nhân.. v.v đã và đang trở thành các quan điểm chủ đạo chi phối xu hướng và quy định những đặc trưng cơ bản của nền giáo dục hiện đại nói chung cũng như chất lượng giáo dục và mô hình phát triển nhà trường đại học hiện đại nói riêng. Định hướng phát triển trên bảo đảm mối liên kết khoa học - công nghệ - văn hoá- xã hội - phát triển cá nhân trong toàn bộ quá trình vận động và phát triển của nhà trường đại học hiện đại.

Bảng 1. Đặc trưng cơ bản của các mô hình nhà trường

Loại hình đặc trưng	Nhà trường truyền thống	Nhà trường hiện đại	Nhà trường tương lai
Mục tiêu	Rộng (trong lĩnh vực xã hội và văn hoá)	Hẹp, chuyên môn hoá	Tổng hợp, phát triển cá nhân
- Cấu trúc	Rời rạc	Hệ thống phân cấp dọc	Hệ thống mạng lưới liên kết ngang tổ hợp
- Nội dung	Văn hoá- xã hội Đạo đức- Văn chương (theo khả năng của thầy)	Khoa học - công nghệ nhân văn (theo chương trình)	Khoa học - công nghệ - xã hội - nhân văn (theo khả năng và nhu cầu cá nhân)
- Phương pháp	Truyền thụ - công nhận	Tích cực - chứng minh	Phương pháp tự đào tạo, tự phát triển theo cá nhân
- Hình thức tổ chức	Nhóm học trò, cá nhân	Đào tạo hàng loạt	Cá nhân
- Phương pháp đánh giá	Định tính, chủ quan	Định lượng, khách quan	Chất lượng hiệu quả
- Sản phẩm	Nhân lực cho hệ thống quản lí chính trị - xã hội	Nhân lực cho các ngành dịch vụ sản xuất, thiết chế xã hội	Nhân lực đa năng
- Phương tiện dạy học	Thủ công (lời nói, bảng, phấn)	Máy dạy học, dụng cụ thí nghiệm	Computer - máy vi tính, hệ thống truyền thông
<b>Loại hình</b>	<b>Giản đơn</b>	<b>Nhiều loại hình riêng biệt</b>	<b>Tổ hợp, đa hệ, đa ngành, đa cấp.</b>

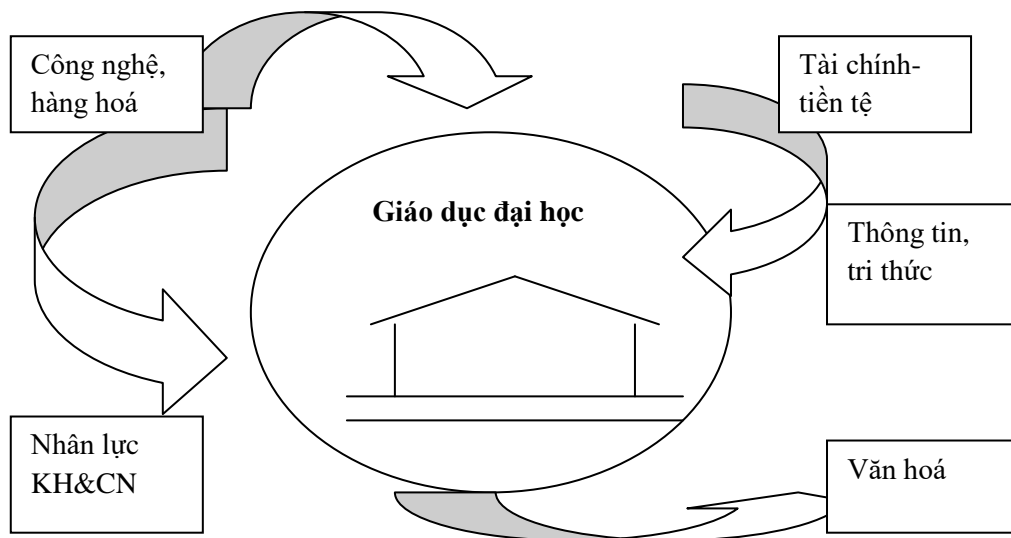
Để chuẩn bị cho việc phát triển một nền giáo dục phù hợp với những thay đổi về mọi mặt của đời sống kinh tế-xã hội trong thế kỷ 21, các nước công nghiệp phát triển (OECD) đã triển khai từ năm 2001 một dự án nghiên cứu lớn về “Nhà trường cho tương lai”. Những tư tưởng về nhà trường cho tương lai không chỉ bó hẹp trong khái niệm “nhà trường” như là một tổ chức giáo dục cụ thể mà nó thể hiện sâu sắc hơn như một triết lý về hệ thống học tập (learning system) trong xã hội mà nhà trường như là một bộ phận cấu thành. Nhà trường cho tương lai cũng không đặt ra mục đích tập trung vào dự báo “prediction” và hình dung viễn cảnh “vision” của nhà trường trong tương lai mà nó đặt ra kỳ vọng xây dựng và phát triển các kịch bản nhà trường (hệ thống học tập) vừa phù hợp với các điều kiện, bối cảnh kinh tế-xã hội của các quốc gia và quan trọng hơn là góp phần thúc đẩy xã hội tiến đến tương lai, vì tương lai. Trên cơ sở các kịch bản chung về nhà trường tương lai nêu trên, OECD/CERI đã đưa ra 6 kịch bản cho loại hình trường đại học như sau:

- Mô hình “Nhà trường đại học truyền thống”: về cơ bản không thay đổi, giống như mô hình trước nay.
- Mô hình trường đại học là cơ sở dịch vụ/ doanh nghiệp: tính tự chủ cao, nguồn đầu tư đa dạng, có quan hệ chặt chẽ với công nghiệp.

- Mô hình thị trường tự do: thị trường là động lực chính, có sự cộng tác với doanh nghiệp, đầu tư R&D tạo ra sản phẩm/dịch vụ theo nhu cầu thị trường.
- Mô hình giáo dục mở và học suốt đời: xu hướng đại chúng hóa, người học ở nhiều độ tuổi, ít nghiên cứu, nguồn tài trợ đa dạng.
- Mô hình mạng lưới toàn cầu các cơ sở giáo dục: liên thông và tích hợp với hệ thống giáo dục quốc gia/quốc tế, người học tự quyết định nội dung học/ bằng cấp, ứng dụng e-learning, học tập suốt đời.
- Mô hình đa dạng hóa và sự tan rã của trường đại học: học ngay trong cuộc sống bằng mọi phương tiện, xã hội học tập, hình thức đại học thay đổi hoàn toàn, không còn vai trò độc tôn.

Bước vào thế kỷ 21 cùng với quá trình gia tăng quy mô giáo dục đại học trên phạm vi toàn thế giới từ 14 triệu sinh viên (1960) lên khoảng 80 triệu sinh viên hiện nay, vai trò và vị trí của hệ thống giáo dục đại học nói chung và các trường đại học nói riêng đã có những thay đổi căn bản. Với tiềm lực to lớn về đội ngũ chuyên gia có trình độ cao, mà trong đó nhiều người đạt giải Nobel về các lĩnh vực khoa học - công nghệ; hệ thống các trang thiết bị nghiên cứu và thí nghiệm hiện đại; cơ sở nguồn lực thông tin, dữ liệu phong phú.v.v. các trường đại học đặc biệt là các đại học nghiên cứu ở Mỹ và các nước phát triển đã và đang đóng một vai trò to lớn không chỉ trong công tác đào tạo chuyên gia trình độ cao mà còn thực sự là các cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong nhiều ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn như công nghệ vũ trụ, thông tin, sinh học, vật liệu mới và tự động hoá.vv. Các trường đại học ở Hà Lan hàng năm thực hiện khoảng 30% kinh phí đầu tư cho nghiên cứu khoa học ở nhiều lĩnh vực khoa học & công nghệ hiện đại. Nhiều nước trong khu vực ASEAN đã và đang thực hiện đổi mới, cải cách giáo dục đại học theo hướng phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng đại học với nhiều tiêu chí và chuẩn mực đánh giá chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, dịch vụ phát triển cộng đồng.

Trong lịch sử phát triển của nền giáo dục đại học hiện đại từ giáo dục tinh hoa đến giáo dục đại chúng, vấn đề sứ mệnh của giáo dục đại học luôn luôn được các học giả, các nhà giáo dục trên thế giới quan tâm và tranh luận với nhiều quan điểm và góc nhìn khác nhau. Tuy nhiên, cho dù ở góc độ nào thì nền giáo dục đại học luôn luôn coi trọng sứ mệnh cao cả là khai sáng, thức tỉnh, phát triển tri thức và các giá trị văn hóa, tìm kiếm chân lý và dẫn dắt xã hội... Sự phát triển của hệ thống giáo dục đại học một mặt bị tác động, chi phối và một mặt khác cũng góp phần thúc đẩy của các xu hướng phát triển chung của đời sống xã hội hiện đại. Các yếu tố tác động và chịu sự tác động của hệ thống giáo dục đại học hiện đại được tóm tắt trong hình vẽ sau.



Hình 2. Giáo dục Đại học và các yếu tố ảnh hưởng

Tuyên bố Paris (1998) về giáo dục đại học đã nêu ra những thách thức và yêu cầu đối với giáo dục đại học hiện đại. Để đáp ứng những thách thức, yêu cầu trên giáo dục đại học cần được bảo đảm:

- Quốc tế hoá (Internationalization)
- Toàn cầu hoá (Globalization) với các dòng dịch chuyển của hàng hoá, tiền tệ, nhân lực, dịch vụ, tri thức. Các vấn đề toàn cầu như môi trường, năng lượng, HIV, dân số, thương mại...
- Những bước đột phá về KH-CN: Bản đồ Gen, Trí tuệ nhân tạo, Vật liệu thông minh, Công nghệ thông tin...
- Kinh tế tri thức và xã hội thông tin, thời đại mạng
- Văn hoá công nghệ, kỷ nguyên chất lượng
- Khu vực tự do thương mại: WTO, AFTA, APEC...

Trong bối cảnh sôi động của các xu hướng phát triển của đời sống xã hội hiện đại, giáo dục đại học ở các nước đã và đang phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức to lớn đặc biệt là vấn đề giải quyết các mối quan hệ giữa quy mô-chất lượng và hiệu quả đào tạo; giữa đào tạo và nghiên cứu, dịch vụ; giữa nhu cầu và nguồn lực cho phát triển v.v.. Để giải quyết các yêu cầu đó giáo dục đại học ở các nước đã và đang thực hiện các cuộc đổi mới và cải cách sâu rộng với các xu hướng sau:

- Xu hướng đại chúng hóa: Chuyển từ giáo dục tinh hoa (Elite) sang giáo dục đại chúng và phổ cập (Massification & Univerzalization). Qui mô giáo dục đại học tăng nhanh. Ở nhiều nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn quốc tỷ lệ sinh viên đại học trong độ tuổi 18-26 lên đến 40-60%

- Xu hướng đa dạng hoá (Diversification): Phát triển nhiều loại hình trường với cơ cấu đào tạo đa dạng về trình độ và ngành nghề theo hướng hàn lâm (Academy) hoặc nghề nghiệp & công nghệ nặng về thực hành (Professional)
- Tư nhân hoá (Privatization): Để tăng hiệu quả đào tạo và thu hút nhiều nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học nhiều nước như Mỹ, Nhật Bản, Philipin v.v.. Phần lớn các trường đại học là đại học tư nhân.
- Bảo đảm chất lượng (Quality Assurance) và nâng cao khả năng cạnh tranh. Tập đoàn hoá và công nghiệp hoá (Corporationization and Industrialization) hệ thống giáo dục đại học.
- Phát triển mạng lưới các đại học nghiên cứu để trở thành các Trung tâm sản xuất, sử dụng, phân phối, xuất khẩu tri thức và chuyển giao công nghệ mới, hiện đại. Thông qua đào tạo và nghiên cứu để phát hiện và thu hút nhân tài khoa học & công nghệ
- Đẩy mạnh các loại hình dịch vụ đào tạo nhân lực quốc tế và khu vực. Các trường đại học trở thành các cơ sở dịch vụ đào tạo nhân lực thu hút vốn đầu tư vào đào tạo từ nhiều nước đặc biệt là các nước đang phát triển có nhu cầu tiếp cận với công nghệ hiện đại.

Tiếp theo tuyên bố Paris (1998), năm 2009, UNESCO đã ra Tuyên bố của Hội nghị quốc tế UNESCO về giáo dục Đại học mới (Paris, 2009) với chủ đề là “Sự năng động mới của giáo dục Đại học và nghiên cứu để cho tiến bộ và phát triển của xã hội”. Cả hai văn kiện nhấn mạnh vai trò của giáo dục Đại học là “Không những đào tạo cho sinh viên có kiến thức vững chắc và biết vận dụng sáng tạo trong hoàn cảnh hiện thời và cả cho tương lai, mà còn đào tạo những công dân có ý thức trách nhiệm, sẵn sàng bảo vệ hòa bình, nhân quyền và những giá trị dân chủ”. Tuyên bố UNESCO (2009) cũng trở lại một vấn đề tâm điểm trong các vai trò của Đại học : “Giáo dục Đại học để chống nghèo đói, để phát triển bền vững, để thiết lập công bằng xã hội”.

### **3. Vấn đề tự do học thuật ở Việt Nam hiện nay**

Khi bàn về cải cách giáo dục, mọi người thường nhắc đến nhiều yếu tố cần thiết cho sự phát triển của giáo dục đại học hiện đại đó là Tự do học thuật. Đây có thể được xem là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo Đại học đi đầu trong việc nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, mở rộng kho tri thức chung của nhân loại và góp phần định hướng cho sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, ở bối cảnh Việt Nam, không phải ai cũng hiểu rõ về khái niệm này. Vì vậy, làm rõ khái niệm Tự do học thuật nói chung, và tìm hiểu nó trong bối cảnh giáo dục Đại học ở Việt Nam hiện nay là rất cần thiết.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Britannica, "Tự do học thuật là quyền tự do giảng dạy, học tập, và theo đuổi tri thức và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên mà không bị can thiệp vô lý hay bị giới hạn bởi luật pháp, các quy định của cơ sở giáo dục, hoặc áp lực của công chúng". Theo đó, những yếu tố cơ bản của tự do học thuật đối với giảng viên bao gồm quyền tự do trong việc tìm hiểu bất cứ chủ đề tri thức nào mà mình quan tâm, quyền trình bày những khám phá của mình cho sinh viên, đồng nghiệp, và những người khác biết, quyền công bố bằng cách xuất bản những số liệu và kết luận của mình mà không bị kiểm soát hay kiểm duyệt, và quyền giảng dạy theo cách mà mình thấy phù hợp về mặt chuyên môn; Đối với sinh viên, đó là quyền tự do học tập và nghiên cứu những gì mình quan tâm và quyền đưa ra những kết luận của chính mình, cũng như quyền biểu đạt những ý kiến của mình. Nhiều trường Đại học nổi tiếng trên thế giới đã lấy Tự do học thuật như là 1 tiêu chí hàng đầu cho hoạt động của mình.

Tinh thần cốt lõi của Tự do học thuật là biến Đại học trở thành một môi trường lý tưởng cho học tập và nghiên cứu, ở đó chỉ có tri thức được tôn thờ. Mọi quan điểm, học thuyết, tư tưởng đều được nghiên cứu và trao đổi một cách nghiêm túc, thẳng thắn, cởi mở để tìm ra được những tri thức đúng đắn, nhằm ứng dụng vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Ở đó, không có khái niệm gọi là vùng cấm hay nhạy cảm không được đụng đến. Mọi tri thức đều phải được kiểm chứng và đánh giá dưới nhãn quan khoa học. Trên thực tế, hành trình đến với Tự do học thuật là tiến trình lâu dài và đầy gian khổ, nhưng nếu Tự do học thuật không được đảm bảo, thì con người không thể đến gần với chân lý và kho tàng tri thức của nhân loại không thể được phát triển như ngày nay.

Từ định nghĩa trên, đối chiếu với bối cảnh Việt Nam, ta nhận thấy nhiều quy định hiện nay của cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở giáo dục Đại học ở Việt Nam chưa đảm bảo nguyên tắc Tự do học thuật này. Tư duy quản lý ở Việt Nam từ trung ương đến cơ sở vẫn còn nặng về thủ tục hành chính theo kiểu "xin cho". Đại học ở Việt Nam chưa được xem là 1 đơn vị độc lập có quyền tự chủ về hoạt động giáo dục và nghiên cứu như ở các nước phát triển. Mọi vấn đề của đại học từ tuyển sinh, mở ngành, công nhận kết quả, cấu trúc chương trình, giáo trình, cách đánh giá, ngân sách hoạt động... đều phải thông qua Bộ GD-ĐT & các cơ quan quản lý nhà nước.

Lấy ví dụ về quá trình tái thiết kế chương trình đào tạo ở trường ĐHBK TP.HCM theo mô hình CDIO, một mô hình tiên tiến về xây dựng CTĐT trên thế giới hiện nay. Thế nhưng, trong quá trình triển khai dự án tái thiết kế này, các thầy cô phụ trách đã gặp không ít khó khăn vì đụng phải những vùng



cầm, những khối kiến thức lỗi thời, không còn giá trị, nhưng không được phép thay đổi, và phải giữ nguyên trong cấu trúc chương trình vì những quy định cứng của Bộ GD-ĐT. Và còn rất nhiều vấn đề khác sẽ mãi mãi không thể cải tiến được trong giáo dục Đại học, nếu tư tưởng về Tự do học thuật chưa được tôn trọng bởi đội ngũ GV. Đại học và chính những người làm công tác quản lý giáo dục.

Trên thực tế, mô hình quản lý trói buộc như trên đã tỏ ra thiếu hiệu quả, và kiềm hãm sự phát triển của hoạt động giáo dục và NCKH, gây khó khăn cho việc chuyển đổi mô hình giáo dục theo hướng hiện đại hóa. Một ví dụ gần đây về sự thiếu tự do học thuật trong môi trường Đại học Việt Nam đó là hiện tượng can thiệp thô bạo của cơ quan quản lý vào hoạt động học thuật qua "vụ án Nhã Thuyên". Một luận văn thạc sĩ của tác giả có bút danh là Nhã Thuyên đã được bảo vệ tại ĐH Sư Phạm Hà Nội, và đạt điểm xuất sắc cách đây 4 năm. Nay, đã bị đem ra đánh giá lại dưới lăng kính chính trị. Mặc dù, về mặt khoa học, hội đồng đánh giá lại cũng không chỉ ra được sai phạm nào về mặt lập luận, phương pháp, quá trình thu thập dữ liệu, cũng như cách phân tích của đề tài, nhưng kết quả cuối cùng là luận văn bị đánh rớt và văn bằng thạc sĩ bị thu hồi, chỉ vì luận văn nghiên cứu về 1 chủ đề nhạy cảm về mặt chính trị. Chủ đề nghiên cứu của luận văn là về khía cạnh văn hóa của phong trào đòi hỏi tự do trong sáng tác và xuất bản của nhóm "Mở miệng". Đây là 1 nhóm nhà văn/ nhà thơ tự do, chủ trương các tác phẩm văn học phải được tự do xuất bản và không bị kiểm duyệt bởi bất cứ ai. Có lẽ, đây là lý do chính mà luận văn của Nhã Thuyên đã bị đem ra "xét lại" một cách thô bạo và thiếu khoa học. Thực tế, điều này chỉ chứng tỏ môi trường giáo dục Đại học Việt Nam chưa thật sự có Tự do học thuật. Nếu thực trạng này vẫn còn duy trì, thì mọi nỗ lực cải cách giáo dục đại học Việt Nam sẽ không đạt được kết quả như kỳ vọng của xã hội. Bởi, bỏ qua tự do học thuật, mọi vấn đề cải cách chỉ giải quyết được phần ngọn mà không chạm đến được phần gốc rễ, hay nguyên nhân cốt lõi của nó.

Tuy nhiên, cũng cần biết rằng đòi hỏi về tự do học thuật trong môi trường Đại học Việt Nam không có nghĩa là các sinh hoạt nghiên cứu, giảng dạy ở Đại học sẽ không bị trói buộc bởi bất kỳ điều gì. Đương nhiên, tự do học thuật cũng phải có giới hạn của nó, nhưng đó không phải là các giới hạn hành chính hay chính trị, mà là các giới hạn dựa trên các tiêu chí khách quan và khoa học. Thực tế, trong một môi trường tự do học thuật, các ràng buộc, như là: phương pháp làm việc khoa học, đạo đức nghiên cứu, đánh giá của đồng nghiệp... còn là những rào cản chặt chẽ và khó khăn hơn đối với những người làm công tác sáng tạo và NCKH thật sự.

Từ những nhận định trên, đòi hỏi các nhà giáo dục và những người làm công tác quản lý giáo dục ở Việt Nam cần phải suy nghĩ một cách nghiêm túc về cam kết của mình đối với Tự do học thuật. Liệu người Việt Nam có thực sự khao khát tri thức, và sẵn sàng tiếp cận tri thức bằng mọi giá hay không? Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thay đổi những thói quen lâu nay trong cách nghĩ, cách làm của chúng ta, để có thể đảm bảo sự Tự do học thuật trong môi trường Đại học. Câu trả lời phải đến từ các nhà quản lý giáo dục, cộng đồng GV., SV. và những người làm công tác NCKH hiện nay ở Việt Nam.

Chỉ có một môi trường Tự do học thuật thật sự mới có thể đảm bảo Đại học làm tốt vai trò của nó trong thời đại tri thức, là cái nôi ươm mầm cho những đóa hoa tri thức, cho sự sáng tạo các tư tưởng mới và cho khát vọng vươn tới những chân trời tri thức mới lạ. Nếu muốn thay đổi, chúng ta phải biết vượt qua những rào cản hiện tại, để có thể xây dựng một môi trường giáo dục hiện đại theo xu hướng phát triển của thế giới. Có như thế, thì Đại học mới có thể tạo ra những người trí thức đúng nghĩa, có năng lực sáng tạo, tự chủ, tự tin trong việc tìm kiếm tri thức và giải quyết các vấn đề đầy khó khăn và phức tạp mà thời đại đang đặt ra. Hy vọng, một ngày gần đây, "Tự do học thuật" sẽ là 1 cụm từ được hãnh diện ghi trong các Sứ mạng và Định hướng phát triển của các trường Đại học hàng đầu Việt Nam.

#### **4. Kết luận**

Tóm lại, khi xã hội càng phát triển thì giáo dục đại học cũng cần phải phát triển và thay đổi cho phù hợp với xu hướng hiện đại. Ở đó, trường ĐH phải đóng vai trò khai sáng, thức tỉnh, phát triển tri thức và các giá trị văn hóa, tìm kiếm chân lý và dẫn dắt xã hội... Nhà trường hiện đại cần phải thích nghi với bối cảnh toàn cầu hóa, và đáp ứng nhu cầu của thời đại tri thức, tiến bộ của KHKT và Công nghệ. Một số xu hướng chính của giáo dục đại học tương lai gồm: đại chúng hóa, đa dạng hóa, tự nhân hóa, chất lượng cao, trung tâm sản xuất, sử dụng và phân phối tri thức, đáp ứng nhu cầu về nhân lực của khu vực và thế giới. Một khía cạnh của giáo dục hiện đại là tinh thần tự do học thuật. Ở bối cảnh GDDH Việt Nam, tự do học thuật vẫn chưa được tôn trọng. Cần phải chú trọng xây dựng và củng cố tinh thần tự do học thuật để đảm bảo sự thành công của việc cải cách giáo dục đại học ở Việt Nam.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Hồ Kỳ Quang Minh. (2017). *Tài liệu bài giảng môn Giáo dục Đại học Việt Nam và thế giới*. Trường ĐH Sài Gòn.
2. Trần Khánh Đức. (2012). *Giáo trình Giáo dục Đại học Việt Nam và thế giới*, NXB. Giáo dục.